Dự báo điểm chuẩn trúng tuyển đại học hệ chính quy 2020

Thời gian: 23-09-2020

Dự báo điểm chuẩn trúng tuyển của ĐHBK Hà Nội năm 2020 với các tổ hợp truyền thống thấp nhất là 22 điểm, với tổ hợp A19/A20 thấp nhất là 19 điểm.

**Mã Xét tuyển: BF1**; Tên ngành/CTĐT: Kỹ thuật Sinh học, Điểm chuẩn 2019: 23.4, Dự báo 2020: 25.5 - 26.5

**Mã Xét tuyển: BF1x**; Tên ngành/CTĐT: Kỹ thuật Sinh học, Điểm chuẩn 2019: Trống, Dự báo 2020: 20 - 21

**Mã Xét tuyển: BF2**; Tên ngành/CTĐT: Kỹ thuật Thực phẩm, Điểm chuẩn 2019: 24, Dự báo 2020: 26 - 26.5

**Mã Xét tuyển: BF2x**; Tên ngành/CTĐT: Kỹ thuật Thực phẩm, Điểm chuẩn 2019: Trống, Dự báo 2020: 20 - 21

**Mã Xét tuyển: BF-E12**; Tên ngành/CTĐT: Kỹ thuật Thực phẩm (CT tiên tiến), Điểm chuẩn 2019: 23, Dự báo 2020: 25.5 - 26

**Mã Xét tuyển: BF-E12x**; Tên ngành/CTĐT: Kỹ thuật Thực phẩm (CT tiên tiến), Điểm chuẩn 2019: Trống, Dự báo 2020: 20 - 21

**Mã Xét tuyển: CH1**; Tên ngành/CTĐT: Kỹ thuật Hóa học, Điểm chuẩn 2019: 22.3, Dự báo 2020: 23.5 - 24.5

**Mã Xét tuyển: CH1x**; Tên ngành/CTĐT: Kỹ thuật Hóa học, Điểm chuẩn 2019: Trống, Dự báo 2020: 19 - 20

**Mã Xét tuyển: CH2**; Tên ngành/CTĐT: Hóa học, Điểm chuẩn 2019: 21.1, Dự báo 2020: 22 - 23

**Mã Xét tuyển: CH2x**; Tên ngành/CTĐT: Hóa học, Điểm chuẩn 2019: Trống, Dự báo 2020: 19 - 20

**Mã Xét tuyển: CH3**; Tên ngành/CTĐT: Kỹ thuật in, Điểm chuẩn 2019: 21.1, Dự báo 2020: 22 - 23

**Mã Xét tuyển: CH3x**; Tên ngành/CTĐT: Kỹ thuật in, Điểm chuẩn 2019: Trống, Dự báo 2020: 20 - 21

**Mã Xét tuyển: CH-E11**; Tên ngành/CTĐT: Kỹ thuật Hóa dược (CT tiên tiến), Điểm chuẩn 2019: 23.1, Dự báo 2020: 25.5 - 26.5

**Mã Xét tuyển: CH-E11x**; Tên ngành/CTĐT: Kỹ thuật Hóa dược (CT tiên tiến), Điểm chuẩn 2019: Trống, Dự báo 2020: 20 - 21

**Mã Xét tuyển: ED2**; Tên ngành/CTĐT: Công nghệ giáo dục, Điểm chuẩn 2019: 20.6, Dự báo 2020: 22 - 23

**Mã Xét tuyển: ED2x**; Tên ngành/CTĐT: Công nghệ giáo dục, Điểm chuẩn 2019: Trống, Dự báo 2020: 19 - 20

**Mã Xét tuyển: EE1**; Tên ngành/CTĐT: Kỹ thuật Điện, Điểm chuẩn 2019: 24.28, Dự báo 2020: 26 - 27

**Mã Xét tuyển: EE1x**; Tên ngành/CTĐT: Kỹ thuật Điện, Điểm chuẩn 2019: Trống, Dự báo 2020: 20.5 - 21.5

**Mã Xét tuyển: EE2**; Tên ngành/CTĐT: Kỹ thuật Điều khiển - Tự động hóa, Điểm chuẩn 2019: 26.05, Dự báo 2020: 27.5 - 28.5

**Mã Xét tuyển: EE2x**; Tên ngành/CTĐT: Kỹ thuật Điều khiển - Tự động hóa, Điểm chuẩn 2019: Trống, Dự báo 2020: 23 - 24

**Mã Xét tuyển: EE-E8**; Tên ngành/CTĐT: Kỹ thuật Điều khiển - Tự động hóa và Hệ thống điện (CT tiên tiến), Điểm chuẩn 2019: 25.2, Dự báo 2020: 26.5 - 27.5

**Mã Xét tuyển: EE-E8x**; Tên ngành/CTĐT: Kỹ thuật Điều khiển - Tự động hóa và Hệ thống điện (CT tiên tiến, Điểm chuẩn 2019: Trống, Dự báo 2020: 21.5 - 22.5

**Mã Xét tuyển: EE-EP**; Tên ngành/CTĐT: Tin học công nghiệp và Tự động hóa (Chương trình Việt - Pháp PFIEV), Điểm chuẩn 2019: 22.5, Dự báo 2020: 22.5 - 23.5

**Mã Xét tuyển: EE-EPx**; Tên ngành/CTĐT: Tin học công nghiệp và Tự động hóa (Chương trình Việt - Pháp PFIEV), Điểm chuẩn 2019: Trống, Dự báo 2020: Trống

**Mã Xét tuyển: EM1**; Tên ngành/CTĐT: Kinh tế công nghiệp, Điểm chuẩn 2019: 21.9, Dự báo 2020: 24 - 25

**Mã Xét tuyển: EM1x**; Kinh tế công nghiệp, Điểm chuẩn 2019: Trống, Dự báo 2020: 20.5 - 21.5

**Mã Xét tuyển: EM2**; Tên ngành/CTĐT: Quản lý công nghiệp, Điểm chuẩn 2019: 22.3, Dự báo 2020: 24 - 25

**Mã Xét tuyển: EM2x**; Quản lý công nghiệp , Điểm chuẩn 2019: Trống, Dự báo 2020: 19 - 20

**Mã Xét tuyển: EM3**; Tên ngành/CTĐT: Quản trị kinh doanh, Điểm chuẩn 2019: 23.3, Dự báo 2020: 25 - 26

**Mã Xét tuyển: EM3x**; Quản trị kinh doanh, Điểm chuẩn 2019: Trống, Dự báo 2020: 21 - 22

**Mã Xét tuyển: EM4**; Tên ngành/CTĐT: Kế toán, Điểm chuẩn 2019: 22.6, Dự báo 2020: 24.5 - 25.5

**Mã Xét tuyển: EM4x**; Kế toán, Điểm chuẩn 2019: Trống, Dự báo 2020: 19 - 20

**Mã Xét tuyển: EM5**; Tên ngành/CTĐT: Tài chính - Ngân hàng, Điểm chuẩn 2019: 22.5, Dự báo 2020: 24.5 - 25.5

**Mã Xét tuyển: EM5x**; Tài chính -Ngân hàng, Điểm chuẩn 2019: Trống, Dự báo 2020: 19.5 - 20.5

**Mã Xét tuyển: EM-E13**; Tên ngành/CTĐT: Phân tích kinh doanh (CT tiên tiến), Điểm chuẩn 2019: 22, Dự báo 2020: 24 - 25

**Mã Xét tuyển: EM-E13x**; Phân tích kinh doanh(CT tiên tiến), Điểm chuẩn 2019: Trống, Dự báo 2020: 19 - 21

**Mã Xét tuyển: EM-E14**; Tên ngành/CTĐT: Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng (CT tiên tiến), Điểm chuẩn 2019: 23, Dự báo 2020: 25 - 26

**Mã Xét tuyển: EM-E14x**; Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng (CT tiên tiến), Điểm chuẩn 2019: Trống, Dự báo 2020: 21 - 22

**Mã Xét tuyển: EM-VUW**; Tên ngành/CTĐT: Quản trị kinh doanh - hợp tác với ĐH Victoria Wellington (New Zealand), Điểm chuẩn 2019: 20.09, Dự báo 2020: 23 - 24

**Mã Xét tuyển: EM-VUWx**; Quản trị kinh doanh – hợp tác với ĐH Victoria Wellington (New Zealand), Điểm chuẩn 2019: Trống, Dự báo 2020: Trống

**Mã Xét tuyển: ET1**; Tên ngành/Chương trình Đào tạo: Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông, Điểm chuẩn 2019: 24.8, Dự báo 2020: 26.5 - 27.5

**Mã Xét tuyển: ET1x**; Tên ngành/Chương trình Đào tạo: Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông, Điểm chuẩn 2019: Trống, Dự báo 2020: 20.5 - 21.5

**Mã Xét tuyển: ET-E4**; Tên ngành/Chương trình Đào tạo: Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông (CT tiên tiến), Điểm chuẩn 2019: 24.6, Dự báo 2020: 25 - 26

**Mã Xét tuyển: ET-E4x**; Tên ngành/Chương trình Đào tạo: : Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông (CT tiên tiến), Điểm chuẩn 2019: Trống, Dự báo 2020: 20 - 21

**Mã Xét tuyển: ET-E5**; Tên ngành/Chương trình Đào tạo: Kỹ thuật Y sinh (CT tiên tiến), Điểm chuẩn 2019: 24.1, Dự báo 2020: 25.5 - 26.5

**Mã Xét tuyển: ET-E5x**; Tên ngành/Chương trình Đào tạo: Kỹ thuật Y sinh (CT tiên tiến), Điểm chuẩn 2019: Trống, Dự báo 2020: 20 - 21

**Mã Xét tuyển: ET-E9**; Tên ngành/Chương trình Đào tạo: Hệ thống nhúng thông minh và IoT (CT tiên tiến), Điểm chuẩn 2019: 24.95, Dự báo 2020: 26 - 27

**Mã Xét tuyển: ET-E9x**; Tên ngành/Chương trình Đào tạo: Hệ thống nhúng thông minh và IoT (CT tiên tiến), Điểm chuẩn 2019: Trống, Dự báo 2020: 21.5 - 22.5

**Mã Xét tuyển: ET-LUH**; Tên ngành/Chương trình Đào tạo: Điện tử - Viễn thông - hợp tác với ĐH Leibniz Hannover (Đức), Điểm chuẩn 2019: 20.03, Dự báo 2020: 23 - 24

**Mã Xét tuyển: ET-LUHx**; Tên ngành/Chương trình Đào tạo: Điện tử - Viễn thông - hợp tác với ĐH Leibniz Hannover (Đức), Điểm chuẩn 2019: Trống, Dự báo 2020: 20 - 22

**Mã Xét tuyển: EV1**; Tên ngành/Chương trình Đào tạo: Kỹ thuật Môi trường, Điểm chuẩn 2019: 20.2, Dự báo 2020: 22 - 23

**Mã Xét tuyển: EV1x**; Tên ngành/Chương trình Đào tạo: Kỹ thuật Môi trường, Điểm chuẩn 2019: Trống, Dự báo 2020: 19 - 20

**Mã Xét tuyển: FL1**; Tên ngành/Chương trình Đào tạo: Tiếng Anh KHKT và Công nghệ, Điểm chuẩn 2019: 22.6, Dự báo 2020: 23.5 - 24.5

**Mã Xét tuyển: FL2**; Tên ngành/Chương trình Đào tạo: Tiếng Anh chuyên nghiệp quốc tế, Điểm chuẩn 2019: 23.2, Dự báo 2020: 24 - 25

**Mã Xét tuyển: HE1**; Tên ngành/Chương trình Đào tạo: Kỹ thuật Nhiệt, Điểm chuẩn 2019: 22.3, Dự báo 2020: 23.5 - 24.5

**Mã Xét tuyển: HE1x**; Tên ngành/Chương trình Đào tạo: Kỹ thuật Nhiệt, Điểm chuẩn 2019: Trống, Dự báo 2020: 20 - 22

**Mã Xét tuyển: IT1**; Tên ngành/Chương trình Đào tạo: CNTT: Khoa học Máy tính, Điểm chuẩn 2019: 27.42, Dự báo 2020: 28 - 29

**Mã Xét tuyển: IT1x**; Tên ngành/Chương trình Đào tạo: CNTT: Khoa học Máy tính, Điểm chuẩn 2019: Trống, Dự báo 2020: 25 - 26

**Mã Xét tuyển: IT2**; Tên ngành/Chương trình Đào tạo: CNTT: Kỹ thuật Máy tính, Điểm chuẩn 2019: 26.85, Dự báo 2020: 27 - 28

**Mã Xét tuyển: IT2x**; Tên ngành/Chương trình Đào tạo: CNTT: Kỹ thuật Máy tính, Điểm chuẩn 2019: Trống, Dự báo 2020: 24.5 - 25.5

**Mã Xét tuyển: IT-E10**; Tên ngành/Chương trình Đào tạo: Khoa học dữ liệu và Trí tuệ nhân tạo (CT tiên tiến), Điểm chuẩn 2019: 27, Dự báo 2020: 28 - 29

**Mã Xét tuyển: IT-E10x**; Tên ngành/Chương trình Đào tạo: Khoa học dữ liệu và Trí tuệ nhân tạo (CT tiên tiến), Điểm chuẩn 2019: Trống, Dự báo 2020: 24 - 25

**Mã Xét tuyển: IT-E6**; Tên ngành/Chương trình Đào tạo: Công nghệ thông tin (Việt - Nhật), Điểm chuẩn 2019: 25.7, Dự báo 2020: 27 - 28

**Mã Xét tuyển: IT-E6x**; Tên ngành/Chương trình Đào tạo: Công nghệ thông tin (Việt - Nhật), Điểm chuẩn 2019: Trống, Dự báo 2020: 22.5 - 23.5

**Mã Xét tuyển: IT-E7**; Tên ngành/Chương trình Đào tạo: Công nghệ thông tin (Global ICT), Điểm chuẩn 2019: 26, Dự báo 2020: 27 - 28

**Mã Xét tuyển: IT-E7x**; Tên ngành/Chương trình Đào tạo: Công nghệ thông tin (Global ICT), Điểm chuẩn 2019: Trống, Dự báo 2020: 24 - 25

**Mã Xét tuyển: IT-EP**; Tên ngành/Chương trình Đào tạo: Công nghệ thông tin (Việt - Pháp), Điểm chuẩn 2019: Trống, Dự báo 2020: 25.5 - 26.5

**Mã Xét tuyển: IT-EPx**; Tên ngành/Chương trình Đào tạo: Công nghệ thông tin (Việt - Pháp), Điểm chuẩn 2019: Trống, Dự báo 2020: 20 - 21

**Mã Xét tuyển: IT-LTU**; Tên ngành/Chương trình Đào tạo: Công nghệ thông tin - hợp tác với ĐH La Trobe (Úc), Điểm chuẩn 2019: 23.25, Dự báo 2020: 25 - 26

**Mã Xét tuyển: IT-LTUx**; Tên ngành/Chương trình Đào tạo: Công nghệ thông tin - hợp tác với ĐH La Trobe (Úc), Điểm chuẩn 2019: Trống, Dự báo 2020: 21 - 22

**Mã Xét tuyển: IT-VUW**; Tên ngành/Chương trình Đào tạo: Công nghệ thông tin - hợp tác với ĐH Victoria Wellington (New Zealand), Điểm chuẩn 2019: 22, Dự báo 2020: 24 - 25

**Mã Xét tuyển: IT-VUWx**; Tên ngành/Chương trình Đào tạo: Công nghệ thông tin - hợp tác với ĐH Victoria Wellington (New Zealand), Điểm chuẩn 2019: Trống, Dự báo 2020: Trống

**Mã Xét tuyển: ME1**; Tên ngành/Chương trình Đào tạo: Kỹ thuật Cơ điện tử, Điểm chuẩn 2019: 25.4, Dự báo 2020: 26.5 - 27.5

**Mã Xét tuyển: ME1x**; Tên ngành/Chương trình Đào tạo: Kỹ thuật Cơ điện tử, Điểm chuẩn 2019: Trống, Dự báo 2020: 22 - 23

**Mã Xét tuyển: ME2**; Tên ngành/Chương trình Đào tạo: Kỹ thuật Cơ khí, Điểm chuẩn 2019: 23.86, Dự báo 2020: 25.5 - 26.5

**Mã Xét tuyển: ME2x**; Tên ngành/Chương trình Đào tạo: Kỹ thuật Cơ khí , Điểm chuẩn 2019: Trống, Dự báo 2020: 20 - 21

**Mã Xét tuyển: ME-E1**; Tên ngành/Chương trình Đào tạo: Kỹ thuật Cơ điện tử (CT tiên tiến), Điểm chuẩn 2019: 24.06, Dự báo 2020: 25.5 - 26.5

**Mã Xét tuyển: ME-E1x**; Tên ngành/Chương trình Đào tạo: Kỹ thuật Cơ điện tử (CT tiên tiến), Điểm chuẩn 2019: Trống, Dự báo 2020: 22 - 23

**Mã Xét tuyển: ME-GU**; Tên ngành/Chương trình Đào tạo: Cơ khí - Chế tạo máy - hợp tác với ĐH Griffith (Úc), Điểm chuẩn 2019: 21.2, Dự báo 2020: 23 - 24

**Mã Xét tuyển: ME-GUx**; Tên ngành/Chương trình Đào tạo: Cơ khí - Chế tạo máy - hợp tác với ĐH Griffith (Úc), Điểm chuẩn 2019: Trống, Dự báo 2020: 20 - 22

**Mã Xét tuyển: ME-LUH**; Tên ngành/Chương trình Đào tạo: Cơ điện tử - hợp tác với ĐH Leibniz Hannover (Đức), Điểm chuẩn 2019: 20.5, Dự báo 2020: 22.5 - 23.5

**Mã Xét tuyển: ME-LUHx**; Tên ngành/Chương trình Đào tạo: Cơ điện tử - hợp tác với ĐH Leibniz Hannover (Đức), Điểm chuẩn 2019: Trống, Dự báo 2020: 20 - 22

**Mã Xét tuyển: ME-NUT**; Tên ngành/Chương trình Đào tạo: Cơ điện tử - hợp tác với ĐHCN Nagaoka (Nhật Bản), Điểm chuẩn 2019: 22.15, Dự báo 2020: 23.5 - 24.5

**Mã Xét tuyển: ME-NUTx**; Tên ngành/Chương trình Đào tạo: Cơ điện tử - hợp tác với ĐHCN Nagaoka (Nhật Bản), Điểm chuẩn 2019: Trống, Dự báo 2020: 19 - 20

**Mã Xét tuyển: MI1**; Tên ngành/Chương trình Đào tạo: Toán - Tin, Điểm chuẩn 2019: 25.2, Dự báo 2020: 26.5 - 27.5

**Mã Xét tuyển: MI1x**; Tên ngành/Chương trình Đào tạo: Toán - Tin, Điểm chuẩn 2019: Trống, Dự báo 2020: 22 - 23

**Mã Xét tuyển: MI2**; Tên ngành/Chương trình Đào tạo: Hệ thống thông tin quản lý, Điểm chuẩn 2019: 24.8, Dự báo 2020: 26.5 - 27.5

**Mã Xét tuyển: MI2x**; Tên ngành/Chương trình Đào tạo: Hệ thống thông tin quản lý, Điểm chuẩn 2019: Trống, Dự báo 2020: 21 - 22

**Mã Xét tuyển: MS1**; Tên ngành/Chương trình Đào tạo: Kỹ thuật Vật liệu, Điểm chuẩn 2019: 21.4, Dự báo 2020: 22 - 23.5

**Mã Xét tuyển: MS1x**; Tên ngành/Chương trình Đào tạo: Kỹ thuật Vật liệu, Điểm chuẩn 2019: Trống, Dự báo 2020: 19 - 20

**Mã Xét tuyển: MS-E3**; Tên ngành/Chương trình Đào tạo: KHKT Vật liệu (CT tiên tiến), Điểm chuẩn 2019: 21.6, Dự báo 2020: 22 - 23

**Mã Xét tuyển: MS-E3x**; Tên ngành/Chương trình Đào tạo: KHKT Vật liệu (CT tiên tiến), Điểm chuẩn 2019: Trống, Dự báo 2020: Trống

**Mã Xét tuyển: PH1**; Tên ngành/Chương trình Đào tạo: Vật lý kỹ thuật, Điểm chuẩn 2019: 22.1, Dự báo 2020: 24.5 - 25.5

**Mã Xét tuyển: PH1x**; Tên ngành/Chương trình Đào tạo: Vật lý kỹ thuật, Điểm chuẩn 2019: Trống, Dự báo 2020: 19 - 20

**Mã Xét tuyển: PH2**; Tên ngành/Chương trình Đào tạo: Kỹ thuật hạt nhân, Điểm chuẩn 2019: 20, Dự báo 2020: 23 - 24

**Mã Xét tuyển: PH2x**; Tên ngành/Chương trình Đào tạo: Kỹ thuật hạt nhân, Điểm chuẩn 2019: Trống, Dự báo 2020: 19 - 20

**Mã Xét tuyển: TE1**; Tên ngành/Chương trình Đào tạo: Kỹ thuật Ô tô, Điểm chuẩn 2019: 25.05, Dự báo 2020: 26.5 - 27.5

**Mã Xét tuyển: TE1x**; Tên ngành/Chương trình Đào tạo: Kỹ thuật Ô tô, Điểm chuẩn 2019: Trống, Dự báo 2020: 22 - 23

**Mã Xét tuyển: TE2**; Tên ngành/Chương trình Đào tạo: Kỹ thuật Cơ khí động lực, Điểm chuẩn 2019: 23.7, Dự báo 2020: 25.5 - 26.5

**Mã Xét tuyển: TE2x**; Tên ngành/Chương trình Đào tạo: Kỹ thuật Cơ khí động lực, Điểm chuẩn 2019: Trống, Dự báo 2020: 20 - 21

**Mã Xét tuyển: TE3**; Tên ngành/Chương trình Đào tạo: Kỹ thuật Hàng không, Điểm chuẩn 2019: 24.7, Dự báo 2020: 26.5 - 27.5

**Mã Xét tuyển: TE3x**; Tên ngành/Chương trình Đào tạo: Kỹ thuật Hàng không, Điểm chuẩn 2019: Trống, Dự báo 2020: 21.5 - 22.5

**Mã Xét tuyển: TE-E2**; Tên ngành/Chương trình Đào tạo: Kỹ thuật Ô tô (CT tiên tiến), Điểm chuẩn 2019: 24.23, Dự báo 2020: 26 - 27

**Mã Xét tuyển: TE-E2x**; Tên ngành/Chương trình Đào tạo: Kỹ thuật Ô tô (CT tiên tiến), Điểm chuẩn 2019: Trống, Dự báo 2020: 20.5 - 21.5

**Mã Xét tuyển: TE-EP**; Tên ngành/Chương trình Đào tạo: Cơ khí hàng không (Chương trình Việt - Pháp PFIEV), Điểm chuẩn 2019: Trống, Dự báo 2020: 22 - 23

**Mã Xét tuyển: TE-EPx**; Tên ngành/Chương trình Đào tạo: Cơ khí hàng không (Chương trình Việt - Pháp PFIEV),Điểm chuẩn 2019: Trống, Dự báo 2020: Trống

**Mã Xét tuyển: TROY-BA**; Tên ngành/Chương trình Đào tạo: Quản trị kinh doanh - hợp tác với ĐH Troy (Hoa Kỳ), Điểm chuẩn 2019: 20.2, Dự báo 2020: 22 - 23

**Mã Xét tuyển: TROY-BAx**; Tên ngành/Chương trình Đào tạo: Quản trị kinh doanh - hợp tác với ĐH Troy (Hoa Kỳ), Điểm chuẩn 2019: Trống, Dự báo 2020: Trống

**Mã Xét tuyển: TROY-IT**; Tên ngành/Chương trình Đào tạo: Khoa học máy tính - hợp tác với ĐH Troy (Hoa Kỳ), Điểm chuẩn 2019: 20.6, Dự báo 2020: 23.5 - 24.5

**Mã Xét tuyển: TROY-ITx**; Tên ngành/Chương trình Đào tạo: Khoa học máy tính - hợp tác với ĐH Troy (Hoa Kỳ), Điểm chuẩn 2019: Trống, Dự báo 2020: Trống

**Mã Xét tuyển: TX1**; Tên ngành/Chương trình Đào tạo: Kỹ thuật Dệt - May, Điểm chuẩn 2019: 21.88, Dự báo 2020: 22.5 - 23.5

**Mã Xét tuyển: TX1x**; Tên ngành/Chương trình Đào tạo: Kỹ thuật Dệt - May, Điểm chuẩn 2019: Trống, Dự báo 2020: 19 - 20

Ghi chú: các mã xét tuyển có chữ x ở cuối (VD: BF1x, CH1x, IT1x...) sử dụng tổ hợp A19 và A20 (kết hợp bài kiểm tra tư duy và Toán + Lý/ hoặc Hoá)

Cách tính điểm xét tuyển:

**- Đối với tổ hợp môn không có môn chính:**

ĐX = [(Môn1+Môn2 + Môn3)] + Điểm ưu tiên (KV/ĐT).

**- Đối với tổ hợp môn có môn chính:**

ĐX = [(Môn 1+ Môn2 + Môn3 +Môn chính) x ¾] + Điểm ưu tiên (KV/ĐT)

**Các tổ hợp A19, A20 có điểm bài kiểm tra tư duy (KTTD) nhân đôi**

ĐX (A19; A20) = [(Bài KTTD x 2 + Môn2 + Môn3) x ¾] + Điểm ưu tiên (KV/ĐT)